

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phụ lục III
BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHỐI CHÍNH QUYỀN
CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân
thành phố Hải Phòng)

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
TỔNG		11.767	11.268	-499	
Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố		339	299	-40	
1	Vườn Quốc gia Cát Bà	53	53	0	
2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng	220	189	-31	
3	Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	49	40	-9	
4	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	17	17	0	
Đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành và tương đương		11.380	10.969	-411	
I	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng	6.340	6.257	-83	
1	Trường THPT Chuyên Trần Phú	160	160	0	
2	Trường THPT Thái Phiên	99	98	-1	
3	Trường THPT Ngô Quyền	97	97	0	
4	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	92	92	0	
5	Trường THPT Lê Chân	68	69	1	
6	Trường THPT Hồng Bàng	79	79	0	
7	Trường THPT Lê Hồng Phong	73	73	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
8	Trường THPT Lê Quý Đôn	89	90	1	
9	Trường THPT Hải An	88	87	-1	
10	Trường THPT Kiến An	89	88	-1	
11	Trường THPT Đồng Hoà	67	67	0	
12	Trường THPT An Dương	116	117	1	
13	Trường THPT Nguyễn Trãi	112	111	-1	
14	Trường THPT Lý Thường Kiệt	78	78	0	
15	Trường THPT Quang Trung	76	76	0	
16	Trường THPT Bạch Đằng	81	80	-1	
17	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	79	79	0	
18	Trường THPT Lê Ích Mộc	80	80	0	
19	Trường THPT Thủy Sơn	67	68	1	
20	Trường THPT Tiên Lãng	80	80	0	
21	Trường THPT Nhữ Văn Lan	58	57	-1	
22	Trường THPT Toàn Thắng	65	65	0	
23	Trường THPT Hùng Thắng	61	59	-2	
24	Trường THPT Nguyễn Khuyến	64	64	0	
25	Trường THPT Vĩnh Bảo	76	76	0	
26	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	70	70	0	
27	Trường THPT Tô Hiệu	64	63	-1	
28	Trường THPT Cộng Hiền	63	63	0	
29	Trường THPT An Lão	78	78	0	
30	Trường THPT Quốc Tuấn	61	62	1	
31	Trường THPT Trần Hưng Đạo	68	68	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
32	Trường THPT Kiến Thụy	83	83	0	
33	Trường THPT Thụy Hương	68	68	0	
34	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	67	67	0	
35	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	93	93	0	
36	Trường THPT Đồ Sơn	58	55	-3	
37	Trường THCS & THPT Lý Thánh Tông	32	32	0	
38	Trường THPT Cát Hải	30	30	0	
39	Trường THPT Cát Bà	37	37	0	
40	Trường THPT Phan Đăng Lưu	37	36	-1	
41	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	115	116	1	
42	Trường THPT Hồng Quang	81	81	0	
43	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	111	110	-1	
44	Trường THPT Nguyễn Du	56	55	-1	
45	Trường THPT Cẩm Giàng	75	72	-3	
46	Trường THPT Tuệ Tĩnh	50	47	-3	
47	Trường THPT Ninh Giang	81	79	-2	
48	Trường THPT Quang Trung - Ninh Giang	56	55	-1	
49	Trường THPT Cầu Xe	49	49	0	
50	Trường THPT Tứ Kỳ	81	82	1	
51	Trường THPT Thanh Hà	75	75	0	
52	Trường THPT Hà Đông	50	47	-3	
53	Trường THPT Hà Bắc	50	50	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
54	Trường THPT Nam Sách	81	79	-2	
55	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	50	48	-2	
56	Trường THPT Kim Thành	75	73	-2	
57	Trường THPT Đồng Gia	44	44	0	
58	Trường THPT Kinh Môn	69	70	1	
59	Trường THPT Phúc Thành	50	50	0	
60	Trường THPT Nhị Chiểu	50	50	0	
61	Trường THPT Chí Linh	82	82	0	
62	Trường THPT Phả Lại	50	49	-1	
63	Trường THPT Bến Tắm	57	57	0	
64	Trường THPT Thanh Miện	63	62	-1	
65	Trường THPT Thanh Miện II	50	49	-1	
66	Trường THPT Bình Giang	56	53	-3	
67	Trường THPT Kê Sắt	50	47	-3	
68	Trường THPT Đoàn Thượng	50	50	0	
69	Trường THPT Gia Lộc	81	80	-1	
70	Trường THPT Đường An	63	59	-4	
71	Trường THPT Cẩm Giàng II	69	68	-1	
72	Trường THPT Trần Phú	56	54	-2	
73	Trường THPT Gia Lộc II	63	63	0	
74	Trường THPT Kinh Môn II	69	67	-2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
75	Trường THPT Kim Thành II	62	61	-1	
76	Trường THPT Nam Sách II	56	56	0	
77	Trường THPT Khúc Thừa Dụ	56	55	-1	
78	Trường THPT Thanh Bình	63	61	-2	
79	Trường THPT Thanh Miện III	63	60	-3	
80	Trường THPT Hưng Đạo	55	54	-1	
81	Trường Giáo dục chuyên biệt Hải Phòng	57	57	0	
82	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Phòng	125	98	-27	
83	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Bảo	83	75	-8	
84	Trung tâm GDNN-GDTX Kiến Thụy	55	49	-6	
85	Trung tâm GDNN-GDTX Thủy Nguyên	76	71	-5	
86	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Dương	51	51	0	
87	Trung tâm GDNN-GDTX Chí Linh	28	28	0	
88	Trung tâm GDNN-GDTX Kinh Môn	56	54	-2	
89	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Sách	62	55	-7	
90	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Giàng	49	42	-7	
91	Trung tâm GDNN-GDTX Tứ Kỳ	75	68	-7	
92	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Lộc	57	55	-2	
93	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Thệ Thiện		40	40	
II	Sở Y tế thành phố Hải Phòng	3.902	3.701	-201	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	267	253	-14	
2	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	62	46	-16	
3	Trung tâm Pháp Y Hải Phòng	29	26	-3	
4	Bệnh viện Phổi Hải Phòng	190	190	0	
5	Bệnh viện sức khỏe tâm thần Hải Phòng	178	178	0	
6	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Dương	145	145	0	
7	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	111	111	0	
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	197	197	0	
9	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng	73	70	-3	
10	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	52	52	0	
11	Bệnh viện Phong Chí Linh	28	28	0	
12	Trung tâm Cấp cứu 115 Hải Phòng	79	54	-25	
13	Bệnh viện đa khoa Đôn Lương	52	45	-7	
14	Trung tâm Giám định Y khoa Hải Phòng	22	22	0	
15	Trung tâm công tác xã hội và Bảo trợ trẻ em Hoa Phượng	113	88	-25	
16	Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Phòng	67	53	-14	
17	Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ xã hội Hải Dương	188	181	-7	
18	Trung tâm Điều dưỡng người Tâm thần Hải Phòng	115	109	-6	
19	Trung tâm Điều dưỡng người Tâm thần Hải Dương	240	239	-1	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
20	Trung tâm Y tế An Dương	162	162	0	
21	Trung tâm Y tế An Lão	69	69	0	
22	Trung tâm Y tế Cát Hải	88	87	-1	
23	Trung tâm Y tế Dương Kinh	91	70	-21	
24	Trung tâm Y tế Đồ Sơn	85	83	-2	
25	Trung tâm Y tế Hải An	75	75	0	
26	Trung tâm Y tế Hồng Bàng	126	123	-3	
27	Trung tâm Y tế Kiến An	93	84	-9	
28	Trung tâm Y tế Kiến Thụy	131	129	-2	
29	Trung tâm Y tế Lê Chân	86	86	0	
30	Trung tâm Y tế Ngô Quyền	67	67	0	
31	Trung tâm Y tế Tiên Lãng	167	162	-5	
32	Trung tâm Y tế Thủy Nguyên	40	33	-7	
33	Trung tâm Y tế Vĩnh Bảo	59	59	0	
34	Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ	21	17	-4	
35	Trung tâm y tế Bình Giang	25	24	-1	
36	Trung tâm y tế Cẩm Giàng	25	24	-1	
37	Trung tâm y tế Chí Linh	30	29	-1	
38	Trung tâm y tế Gia Lộc	25	23	-2	
39	Trung tâm y tế Kim Thành	25	25	0	
40	Trung tâm y tế Kinh Môn	30	30	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
41	Trung tâm y tế Nam Sách	25	25	0	
42	Trung tâm y tế Ninh Giang	26	26	0	
43	Trung tâm y tế Thanh Miện	28	18	-10	
44	Trung tâm y tế Tứ Kỳ	30	29	-1	
45	Trung tâm y tế Thanh Hà	30	30	0	
46	Trung tâm y tế Hải Dương	35	25	-10	
III	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hải Phòng</i>	374	344	-30	
1	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao thành phố Hải Phòng	163	150	-13	
3	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	60	54	-6	
4	Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm thành phố Hải Phòng	32	32	0	
5	Bảo tàng Hải Phòng	22	22	0	
6	Thư viện thành phố Hải Phòng	29	29	0	
7	Nhà hát Sân khấu truyền thống Hải Phòng	48	37	-11	
8	Nhà hát Nghệ thuật đương đại Hải Phòng	20	20	0	
IV	<i>Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng</i>	42	40	-2	
1	Cổng Thông tin điện tử thành phố	22	22	0	
2	Trung tâm Hội nghị và Nhà khách thành phố	11	9	-2	
3	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố	9	9	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
V	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng	38	34	-4	
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng	38	34	-4	
VI	Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng	115	99	-16	
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố Hải Phòng	39	34	-5	
2	Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng	18	18	0	
3	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Hải Phòng	58	47	-11	
VII	Sở Công Thương thành phố Hải Phòng	17	16	-1	
1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	17	16	-1	
VIII	Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng	40	39	-1	
2	Viện Quy hoạch	10	10	0	
4	Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng	30	29	-1	
IX	Ban Quản lý khu kinh tế thành phố Hải Phòng	13	12	-1	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Việc làm - Hỗ trợ doanh nghiệp Hải Phòng	13	12	-1	
X	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng	470	398	-72	
1	Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	145	131	-14	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Thủy Nguyên	10	10	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Lê Chân	13	12	-1	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y An Lão	13	11	-2	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Kiến Thụy	13	13	0	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Bảo	8	8	0	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Cát Hải	6	5	-1	
	Trạm Giám sát tàu cá và Kiểm dịch lưu động	20	20	0	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Hải Dương	16	14	-2	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Chí Linh	10	9	-1	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Kim Môn	8	6	-2	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Cầm Bình	10	8	-2	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Tứ Lộc	9	6	-3	
	Trạm Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y Ninh Thanh	9	9	0	
2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	84	62	-22	
	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Bảo	6	5	-1	
	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Tiên Lãng	6	6	0	
	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thủy Nguyên	5	5	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Kiến Thụy	9	8	-1	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Hải Dương	10	5	-5	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Chí Linh	10	8	-2	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Kim Môn	10	7	-3	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Cầm Bình	9	6	-3	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Tứ Lộc	10	6	-4	
	Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật Ninh Thanh	9	6	-3	
3	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai	163	130	-33	
	Hạt Quản lý đê điều Vĩnh Bảo	10	10	0	
	Hạt Quản lý đê điều Tiên Lãng	10	10	0	
	Hạt Quản lý đê điều Nam Lạch Tray	12	10	-2	
	Hạt Quản lý đê điều Dương Kinh	12	10	-2	
	Hạt Quản lý đê điều Bắc Lạch Tray	12	9	-3	
	Hạt Quản lý đê điều Thủy Nguyên	12	9	-3	
	Hạt Quản lý đê điều Hải Dương (bao gồm Hải Dương, Cầm Giàng)	13	10	-3	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2-1	6
	Hạt Quản lý đô thị Ninh Thanh (bao gồm Ninh Giang, Thanh Miện, Tứ Kỳ)	15	12	-3	
	Hạt Quản lý đô thị Nam Sách (bao gồm Nam Sách, Chí Linh)	20	15	-5	
	Hạt Quản lý đô thị Thanh Hà	16	12	-4	
	Hạt Quản lý đô thị Kim Thành	16	11	-5	
	Hạt Quản lý đô thị Kinh Môn	15	12	-3	
4	Ban Quản lý cảng cá, bến cá	10	7	-3	
5	Ban Quản lý Rừng và Khuyến nông	68	68	0	
XI	Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng	29	29	0	
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	29	29	0	
Biên chế sắp xếp tổ chức bộ máy		48		-48	